

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHÚ MỸ  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 16-6-2022  
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Bảo Ngọc
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phan Thị Sơn

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Hằng –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa:***  
Bà Hoàng Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 272/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021, về việc “*Tranh chấp ly hôn nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/5/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T – sinh năm 1984; cư trú tại: Tổ x, KP y, phường z, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C – sinh năm 1981; cư trú tại: Tổ x1, KP y1, phường z1, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn C sau thời gian tìm hiểu đã quyết định đăng ký kết hôn vào ngày 21/9/2004 tại UBND xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, theo số 148, quyển số 01. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Ông bà sau khi kết hôn đã về chung sống tại tổ 4, khu phố Phước Sơn, phường Phước Hoà, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Từ khi chung sống đến nay ông bà có 03 con chung tên các cháu là: cháu Nguyễn Thị Ngọc Ánh – sinh ngày 06/11/2005; cháu Nguyễn Anh Q – sinh ngày 02/3/2012; cháu Nguyễn Trần Văn Tr – sinh ngày 17/02/2016.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Từ năm 2012, ông Nguyễn Văn C ham ăn nhậu, say xỉn thường đánh đập bà nên dẫn đến mâu thuẫn. Ông bà đã ly thân từ năm 2020 và hiện không còn chung sống với nhau.

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng Bà T yêu cầu Toà án giải quyết:

+ Về tình cảm: Bà T đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

+ Về con chung: Sau ly hôn, Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Văn C cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Yêu cầu Toà án phân chia theo pháp luật đối với khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa vợ chồng ông bà, cụ thể như sau: Phân chia nhà đất tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 44, diện tích 651 m<sup>2</sup> tọa lạc tại phường Phước Hoà, thị xã Phú Mỹ, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 686438. Nhà cấp 4, xây dựng năm 2012, với diện tích 60m<sup>2</sup>. 01 Kiot (02 ô liền) ở chợ Lam Sơn giá 380.000.000 đồng. 01 Máy làm bánh đa mua năm 2021, giá mua là 165.000.000 đồng.

Đến ngày 25/5/2022 và tại phiên toà sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Thay và ông Nguyễn Văn C đã tự thoả thuận được tài sản chung nên Bà T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu giải quyết đối với việc phân chia tài sản chung.

Tại phiên toà sơ thẩm, Bà T yêu cầu Toà án giải quyết những vấn đề sau:

+ Về tình cảm: Bà T đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

+ Về con chung: Đề nghị toà án giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Ánh và cháu Nguyễn Trần Văn Tr cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Anh Q cho ông Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

*- Theo bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Ông xác nhận quá trình kết hôn, thời gian chung sống, con chung, mâu thuẫn như Bà T trình bày là đúng. Ông C không bổ sung gì thêm.

+ Về hôn nhân: Bà Trần Thị T đề nghị giải quyết ly hôn phía ông cùng đồng ý ly hôn nhưng do ông C là người theo đạo thiên chúa nên không đồng ý thuận tình ly hôn. Ông C đề nghị Toà án giải quyết bằng bản án theo hướng đơn phương ly hôn cho Bà T.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Ánh và cháu Nguyễn Trần Văn Tr cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Anh Q cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng. Ông C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Đề nghị tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

*- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ:*

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với nguyên đơn, đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu phân chia tài sản chung đồng thời chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về tố tụng*: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là “*Tranh chấp về ly hôn nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn*”, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*:

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn C đã tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 21/9/2004 tại UBND phường Phước Tỉnh, huyện Long Điền, theo số 148, quyển số 01 nên quan hệ hôn nhân được xác định là hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông C, Bà T bắt nguồn từ việc cả hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp trong cách sống, không quan tâm chăm sóc, yêu thương, chia sẻ với nhau.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, Bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn, ông C xác nhận không còn tình cảm với Bà T nhưng do ông C theo Đạo thiên chúa nên không thể thuận tình ly hôn.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa Bà T, ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của Bà T.

[2.2] *Về việc nuôi con chung*: Bà T và ông C xác định có 03 con chung cháu Nguyễn Thị Ngọc Ánh – sinh ngày 06/11/2005; cháu Nguyễn Anh Q – sinh ngày 02/3/2012; cháu Nguyễn Trần Văn Tr – sinh ngày 17/02/2016.

Xét yêu cầu về nuôi con, điều kiện nuôi con thì thấy: Ông C, Bà T đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Đồng thời tại phiên tòa, ông C, Bà T đã thỏa thuận được việc nuôi con; thỏa thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung nên được ghi nhận, cụ thể như sau Hội đồng xét xử quyết định buộc ông C giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Ánh và cháu Nguyễn Trần Văn Tr cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng; buộc Bà T giao cháu Nguyễn Anh Q cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T, ông C không có yêu cầu nên không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Do Bà T tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc phân chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên Tòa án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của Bà T.

Tại phiên tòa, Bà T và ông C xác định đã tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] *Về chi phí tố tụng*: Bà Trần Thị T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng và đã nộp xong nên không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí*: Bà Trần Thị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối ông Nguyễn Văn C về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

- Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn C xác định có 03 con chung tên các cháu là: cháu Nguyễn Thị Ngọc Ánh – SN 06/11/2005; cháu Nguyễn Anh Q – sn 02/3/2012; cháu Nguyễn Trần Văn Tr – SN 17/02/2016.

Sau ly hôn, theo nguyện vọng của con chung và thỏa thuận của các đương sự buộc ông Nguyễn Văn C giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Ánh và cháu Nguyễn Trần Văn Tr cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng; buộc bà Trần Thị T giao cháu Nguyễn Anh Q cho ông Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T, ông C được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

- Về tài sản chung và nợ chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phân chia tài sản chung của bà Trần Thị T.

- Về chi phí tố tụng: Đã giải quyết xong.

2. *Về án phí sơ thẩm*: Bà Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 16.300.000 đồng (mười sáu triệu ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006604 ngày 15/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án

**Hoàng Bảo Ngọc**

